

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Đ
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Bản án số: 93/2023/HS-ST

Ngày: 21 - 6 - 2023

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Đ, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Văn Kha và Ông La Văn Hợp

-Thư ký phiên tòa: Ông Đào Hùng Thái - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Bình Phước

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ tham gia phiên tòa: Bà Châu Thị N- Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 6 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đ mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 74/2023/TLST-HS ngày 31 tháng 5 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2023/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 6 năm 2023 đối với bị cáo:

Thạch Sô P (tên gọi khác: Không), sinh năm 1987 tại V; nơi đăng ký thường trú khu phố H, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 04/12; dân tộc: Khơme; giới tính: Nam; tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Thạch C (đã chết) và bà Kim Thị Ma R, sinh năm 1952; bị cáo có vợ là Thạch Thị T, sinh năm 1982 và có 01 người con sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/02/2023 cho đến nay “bị cáo có mặt tại phiên tòa”.

Người bị hại:

Bà Thạch Thị N, sinh năm 1980 “có mặt”;

Ông Thạch T, sinh năm 1980 “có mặt”;

Cùng cư trú tại địa chỉ khu phố H, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Huỳnh Kim Y, sinh năm 1989; cư trú tại địa chỉ khu phố 3, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước “vắng mặt”;

Ông Ngô Duy K, sinh năm 1990; cư trú tại địa chỉ khu phố 3, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước “vắng mặt”;

Ông Nguyễn Quang Đ, sinh năm 1991; cư trú tại địa chỉ khu phố 3, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước “vắng mặt”;

Bà Kim Thị Ma R, sinh năm 1952; cư trú tại địa chỉ ấp C, xã H, huyện N, tỉnh V “vắng mặt”;

Bà Thạch Thị T, sinh năm 1982; cư trú tại địa chỉ khu phố H, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước “có mặt”.

Người chứng kiến:

Bà Thạch Thị K, sinh năm 1988; cư trú tại địa chỉ khu phố H, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Thạch Sô P và chị Thạch Thị N, sinh năm 1980, nơi đăng ký thường trú khu phố H, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước có mối quan hệ gia đình (P là em rể của chị N) nên P biết chị N vừa được gia đình chia tiền bán đất, P nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của chị N nên vào khoảng 06 giờ 40 ngày 17/02/2023, sau khi cả gia đình chị N rời khỏi nhà thì P đi bộ qua bên hông nhà chị N và lục túi quần treo trên tường gần cửa ra vào thì phát hiện trong túi có chìa khóa nhà. Sau đó, P dùng chìa khóa mở cửa hông phía bên phải để vào trong nhà, do sợ có người phát hiện nên P mở cửa phía sau nhà để đi ra khóa cửa bên hông lại rồi đi vào nhà bằng cửa sau. Sau đó, P đi đến trước phòng ngủ của chị N mở cửa thì thấy cửa đã khóa, P qua phòng bên cạnh thì thấy tường xây thấp (có khoảng trống giữa trần nhà và tường) nên đã trèo tường để qua phòng ngủ của chị N. Tại đây P đi đến giường ngủ lật chiếu lên thì phát hiện thấy chiếc ví màu hồng, P mở ví ra xem thấy có một xấp tiền mặt bên trong, thấy vậy P giấu chiếc ví vào túi quần rồi trèo tường đi ra ngoài theo cửa sau và đi về nhà lấy hết tiền bên trong rồi bỏ lại chiếc ví màu hồng ở bụi cây gần nhà. Số tiền P lấy trộm được là 72.000.000 đồng, P trả nợ cho một người tên Hùng (không rõ nhân thân, lai lịch) hết 30.000.000 đồng; trả nợ cho vợ chồng anh Ngô Duy K và chị Huỳnh Thị Kim Y, nơi đăng ký thường trú khu phố 02, phường Đ, thành phố Đ số tiền là 2.500.000 đồng; trả nợ cho một người thanh niên vay qua tờ rơi (không rõ nhân thân, lai lịch) 5.000.000 đồng; P sửa xe mô tô tại cửa hàng “Phan Decal” thuộc tổ 01, khu phố 3, phường Đ, thành phố Đ do anh Nguyễn Quang Đ làm chủ hết số tiền 5.500.000 đồng; chơi bida và ăn uống hết số tiền 2.000.000 đồng; mua quần áo hết 700.000 đồng. Ngày 19/02/2023, P về quê tại ấp C, xã H, huyện N, tỉnh V đưa cho mẹ ruột là bà Kim Thị Ma R số tiền 4.000.000 đồng để khám bệnh. P đã tiêu xài cá nhân hết số tiền 2.431.000 đồng, còn lại số tiền 19.869.000 đồng. Ngày 20/02/2023, Thạch Sô P đã đến Công an phường T để đầu thú và giao nộp lại số tiền còn lại là 19.869.000 đồng.

Tại Công văn số 24/HĐĐG ngày 01/3/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thành phố Đ kết luận: 01 ví da màu hồng đã qua sử dụng, không có cơ sở chính xác để định giá.

Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ đã thu giữ số tiền 19.869.000 đồng và 01 ví da màu hồng có chữ FASHION.

Ngày 28/02/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ đã quyết định xử lý vật chứng: Trả cho bà Thạch Thị N số tiền 19.869.000 đồng và 01 ví da màu hồng có chữ FASHION.

Tại Bản cáo trạng số 96/CTr-VKS ngày 29/5/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ đã truy tố bị cáo Thạch Sô P phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Thạch Sô P về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Thạch Sô P mức án từ 36 đến 42 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định và hiện đang bị tạm giam nên đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo Thạch Sô P trả lại cho người bị hại ông Thạch T và bà Thạch Thị N số tiền còn lại là 22.131.000 đồng;

Bị cáo Thạch Sô P tại phiên tòa đã thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát, bị cáo không tranh luận mà chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo; người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến và khiếu nại gì. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố.

Xét lời khai nhận tội của bị cáo là phù hợp với lời khai của người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; phù hợp với biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú, vật chứng vụ án cùng các chứng cứ tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Do muốn có tiền tiêu xài và trả nợ nên khoảng 06 giờ 40 phút ngày 17/02/2023 lợi dụng việc ông Thạch T và bà Thạch Thị N là anh chị vợ đi làm không có ai ở nhà. Bị cáo Thạch Sô P đi bộ qua bên hông nhà chị N và lục túi quần treo trên tường gần cửa ra vào thì phát hiện trong túi có chìa khóa nhà và mở vào bên trong sau đó lấy trộm số tiền 72.000.000 đồng của vợ chồng ông Thạch T và chị Thạch Thị N cất dưới chiếu phòng ngủ tại khu phố H, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo là người đã thành niên, hoàn toàn nhận thức được việc lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là hành vi phạm tội nhưng vì mục đích có tiền để tiêu xài và trả nợ mà bị cáo vẫn cố tình thực hiện. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của người bị

hại, là khách thể được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương nơi xảy ra vụ án.

Do tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt là 72.000.000 đồng nên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ truy tố đã bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Thạch Sô P trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, sau khi phạm tội bị cáo đã ra đầu thú; đã bồi thường một phần khắc phục hậu quả cho người bị hại và người bị hại cũng xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự được Hội đồng xét xử cân nhắc, xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[5] Về quyết định hình phạt: Căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, căn cứ vào các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải xử bị cáo bằng hình phạt tù có thời hạn mới có tác dụng giáo dục bị cáo.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định và đang bị tạm giam nên Hội đồng xét xử không áp dụng.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa người bị hại ông Thạch T và bà Thạch Thị N yêu cầu bị cáo Thạch Sô P phải bồi thường số tiền còn lại là 22.131.000 đồng. Bị cáo Thạch Sô P tại phiên tòa đồng ý bồi thường số tiền trên theo yêu cầu của người bị hại nên cần ghi nhận.

[8] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Án phí sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Thạch Sô P phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Về hình phạt:

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật hình sự 2015 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2017. Xử phạt bị cáo Thạch Sô P **02 (hai)** năm **06 (sáu)** tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 20/02/2023.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 468, Điều 579, Điều 584 và Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015:

Buộc bị cáo Thạch Sô P trả lại cho người bị hại ông Thạch T và bà Thạch Thị N số tiền 22.131.000 đồng;

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán số tiền phải thi hành thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thi hành.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về án phí sơ thẩm:

Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

Bị cáo Thạch Sô P phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm;

Bị cáo Thạch Sô P phải chịu 1.106.550 đồng (*Một triệu một trăm lẻ sáu nghìn năm trăm năm mươi đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo; người bị hại; người có quyền, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước;
- VKSND Thành phố Đ;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- Chi cục THADS Thành phố Đ;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước.
- CA Thành phố Đ;
- Phòng PV 06 Công an tỉnh BP;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS-VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đức Hùng